

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12- 9 - 2022.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa
2. Ông Nguyễn Đức Lợi

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 361/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1987; thường trú: Số 23/11 khu phố A, phường H, thành phố K, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bị đơn: Anh Mật Vũ P, sinh năm 1983; thường trú: Số 23/11 khu phố A, phường H, thành phố K, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Mật Vũ P tự tìm hiểu yêu thương nhau khoảng một năm rồi tiến đến hôn nhân, chúng tôi làm chứng nhận kết hôn (số 128/KH/2010, quyển số 1 ngày 19/7/2010 tại UBND xã H, huyện K (nay là phường H, thành phố K), tỉnh Bình Dương. Từ khi về chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do tính tình không hợp, bất đồng

quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế. Anh P uống bia rượu nhiều, thiếu nợ bên ngoài do đánh bài, cá độ bóng đá. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019. Nay tình cảm giữa tôi và anh P không còn tôi yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Tôi và anh P có 02 con chung tên Mật Nguyễn Phương Đ, sinh ngày 13/5/2011 và Mật Nguyễn Phương Đ1, sinh ngày 27/8/2019. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi hai con chung cháu Đ, Đ1 còn về cấp dưỡng nuôi con chung tôi không yêu cầu cấp dưỡng, nhưng anh P tự nguyện cấp dưỡng thì tôi cũng đồng ý nhận để chăm sóc con được tốt hơn.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 5/8/2022 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Mật Vũ P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thông nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, về điều kiện kết hôn, về thời gian chung sống. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, do tôi có vay nợ bên ngoài do việc sai phạm trong việc đánh bạc thắng thua bằng tiền, mâu thuẫn giữa chị G và chị ruột, bố mẹ tôi. Vợ chồng tôi sống ly thân từ cuối năm 2019 quá trình sống ly thân mỗi người ở một nơi, tôi nhiều lần gặp chị G nhưng chị G không muốn gặp, không cho tôi cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Hiện nay về kinh tế tôi còn nợ bên ngoài khoảng 60.000.000 đồng nhưng tôi có kế hoạch làm ăn chi trả. Nay tình cảm giữa tôi và chị G vẫn còn, tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị G có 02 con chung tên Mật Nguyễn Phương Đ, sinh ngày 13/5/2011 và Mật Nguyễn Phương Đ1, sinh ngày 27/8/2019. Nếu phải ly hôn thì khi ly hôn tôi yêu cầu nuôi cháu Đ, chị G nuôi cháu Đ1. Vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp Tòa giao hai con chung Đ, Đ1 cho chị G nuôi dưỡng tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định pháp luật liên quan.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh P đã trầm trọng, hai vợ chồng ly thân trong thời gian dài. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chị G làm đơn yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ chấp nhận. Về nuôi con chung, hiện 02 con chung cháu Mật Nguyễn Phương Đ, sinh ngày 13/5/2011 và Mật Nguyễn Phương Đ1, sinh ngày 27/8/2019 đang ở ổn định cùng chị G, chị G có thu nhập ổn định. Do vậy, xét yêu cầu của chị G cần giao hai con chung cháu Đ, Đ1 cho chị G nuôi dưỡng là phù hợp quy định. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tại phiên Tòa anh P trình bày nếu giao hai con chung cho chị G nuôi dưỡng anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị G mỗi tháng 3.000.000 đồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị G và anh Mật Vũ P có chứng nhận kết hôn (giấy chứng nhận số 128/KH/2010, quyền số 1 ngày 19/7/2010 tại UBND xã H, huyện K (nay là phường H, thành phố K), tỉnh Bình Dương. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh P hợp pháp.

[3] *Về nội dung yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị G*: Tại phiên Tòa giữa chị G và anh P trình bày, mâu thuẫn của hai vợ chồng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình do anh P nợ tiền bên ngoài do thua độ đánh bài. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019, suốt thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Xét, mục đích của hôn nhân nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích trên vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Qua yêu cầu của chị G, trình bày của anh P thể hiện hôn nhân giữa chị G, anh P không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị G là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị G và anh Mật Vũ P có 02 con chung tên Mật Nguyễn Phương Đ, sinh ngày 13/5/2011 và Mật Nguyễn Phương Đ1, sinh ngày 27/8/2019. Tại phiên Tòa chị G yêu cầu nuôi 02 con chung, anh P yêu cầu nuôi cháu Đ. Xét hai cháu Đ, Đ1 từ năm 2019 ở ổn định cùng chị G, hiện chị G có thu nhập và công việc ổn định. Qua làm việc với cháu Đ, cháu Đ có nguyện vọng ở với chị G. Do vậy, để ổn định cho hai con chung. Cần giao cháu Đ, Đ1 cho chị G nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*. Xét trình bày của anh P trong trường hợp giao hai con chung cháu Đ, Đ1 cho chị G nuôi dưỡng. Anh P cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng. Tại phiên Tòa chị G đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện này của anh P.

[6] *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị G, anh P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Do vậy, được chấp nhận.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị G phải chịu án phí ly hôn, anh P phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 164 Điều 165, Điều 166, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 28, Điều 29, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị G đối với bị đơn anh Mật Vũ P.*

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Mật Vũ P (theo giấy chứng nhận kết hôn số 128/KH/2010, quyển số 1 ngày 19/7/2010 tại UBND xã H, huyện K (nay là phường H, thành phố K), tỉnh Bình Dương.

1.2 Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Tiếp tục giao hai con chung cháu Mật Nguyễn Phương Đ, sinh ngày 13/5/2011 và Mật Nguyễn Phương Đ1, sinh ngày 27/8/2019 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Mật Vũ P cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), hai cháu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Mật Vũ P, chị Nguyễn Thị G có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị G phải tạo điều kiện cho anh P trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Mật Vũ P không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì anh P còn phải thanh toán cho chị G tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị G, anh Mật Vũ P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003921 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Mật Vũ P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị G, anh Mật Vũ P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND TP Dĩ An (1);
- CC THADS TP Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND P H (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh